

cảm, tín ngưỡng của nhân dân, không được phá tượng và lấy đồ thờ Phật dùng vào việc khác.

6. Chiến tranh đã chấm dứt, những cơ quan, xí nghiệp, đơn vị bộ đội, trường học và hợp tác xã nào được phép tạm mượn sử dụng những nhà cửa, đất đai của các chùa thuộc diện xếp hạng hoặc đang còn nhân dân đến lễ bái phải mau chóng thu xếp trả lại các tài sản trên; nếu trong khi sử dụng đã làm hư hỏng chỗ nào thì phải sửa chữa lại hoặc bồi thường.

7. Đối với những chùa đã bị hư hỏng, các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố, huyện, xã cần phối hợp với Mặt trận Tổ quốc kiểm tra lại và có chủ trương tu sửa.

Đối với những chùa là di tích đã xếp hạng hoặc trong diện xếp hạng do trùng ương, tình hay thành phố quản lý, Nhà nước sẽ cấp kinh phí và vật tư để tu sửa khi cần thiết, đồng thời có thể huy động thêm sự đóng góp tự nguyện của tín đồ.

Đối với những chùa không phải là di tích được xếp hạng mà nhân dân vẫn đến lễ bái, nếu tăng ni và tín đồ muốn sửa chữa thì việc sửa chữa do tăng ni và tín đồ đảm nhiệm; chính quyền và Mặt trận Tổ quốc xã giúp đỡ.

Đối với những chùa đã lâu nhân dân không đến lễ bái, không có người trông coi, không phải là nơi danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử mà bị hư hỏng nặng, nếu được sự đồng ý của nhân dân địa phương, Ủy ban hành chính huyện, Chi hội Phật giáo tỉnh và Ủy ban Mặt trận tỉnh thì có thể dỡ đi và di chuyển tượng và đồ thờ đi chùa khác.

8. Những điều ghi trong chi thị này về việc bảo vệ các chùa thờ Phật được xếp hạng di tích, cũng được áp dụng đối với các đình, đền, miếu nằm trong diện xếp hạng di tích của ngành văn hóa.

Bộ Văn hóa, Ủy ban hành chính các cấp và các đoàn thể có liên quan cần chấp hành nghiêm chỉnh và có kế hoạch hướng dẫn thi hành chi thị này.

Hà-nội, ngày 26 tháng 4 năm 1973

T.M. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

CÁC BỘ

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

QUYẾT ĐỊNH số 1758-QĐ/PC ngày 25-8-1973 về một số quy định riêng đối với các tàu đày hoạt động trên sông.

BỘ TRƯỞNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ vào nghị định số 160-CP ngày 9-10-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ vào yêu cầu phát triển của ngành vận tải đường sông;

Để sử dụng hợp lý khả năng phương tiện vận tải, thời gian lao động của thuyền viên và để đảm bảo cho tàu đày hoạt động trên sông được an toàn;

Theo đề nghị của ông Cục trưởng Cục vận tải đường sông,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Tất cả các loại tàu đày hoạt động trên sông phải chấp hành nghiêm chỉnh luật lệ giao thông vận tải đường sông hiện hành (nghị định số 307-TTg ngày 18-8-1959 của Thủ tướng Chính phủ, nghị định số 47 ngày 12-6-1958, nghị định số 85-NĐ ngày 27-8-1959 và quyết định số 1976 ngày 14-8-1971 của Bộ), ngoài ra còn phải thực hiện những quy định riêng cho tàu đày như sau:

a) Đèn và tín hiệu của tàu đày:

— Ban đêm, ngoài các đèn đã được quy định cho phương tiện vận tải đường sông, đoạn tàu đày dài dưới 180 m phải thắp 3 đèn trắng theo hình tam giác, đỉnh tam giác hướng lên trên, đoàn tàu đày dài từ 180 m trở lên thắp 4 đèn trắng theo hình quả trám, trên cột buồm thượng tầng của tàu đày. Khoảng cách từ trên ca-bin lên đến đèn dưới cùng từ 0,70m đến 1m, khoảng cách giữa các đèn từ 1m đến 1,5m, và ánh sáng của đèn chiếu khắp bốn phía. Sau lái tàu đày, thắp một đèn trắng cao hơn mặt boong ít nhất 1 m, các xà lan không phải thắp đèn sau lái.

Đèn mạn xanh đỏ của xà-lan đặt ở phân đoạn trước và phân đoạn sau cùng, nếu ghép hàng đôi, thì xà-lan ở bên nào chỉ thấp đèn mạn quy định cho bên đó.

— Ban ngày các đèn hình tam giác hay hình quả trám được thay bằng một hình nón màu đen, cạnh bằng đường kính của đáy dài 0,30m.

Đoàn tàu dài dưới 180 m treo một hình nón, dài trên 180 m treo hai hình nón, cách nhau từ 1 m đến 1,5 m ở đầu mút then ngang trên cột buồm của tàu đầy.

b) Định viên trên đoàn tàu đầy :

— Đoàn tàu đầy, máy diesel có công suất từ 150 cv đến 250 cv đầy từ 720 tấn trở xuống, định viên 8 người : 1 thuyền trưởng, 1 thuyền phó, 1 máy trưởng, 1 máy phó và 4 thủy thủ.

— Đoàn tàu đầy, máy diesel có công suất từ 260cv đến 400 cv đầy trên 720 tấn trở lên định viên từ 9 đến 12 người gồm : 1 thuyền trưởng, 1 thuyền phó, 1 máy trưởng, 1 máy phó, 1 thợ máy và từ 5 đến 7 thủy thủ.

c) Hàng hóa chở trên xà-lan đầy :

Nếu chở loại hàng hóa cồng kềnh thì không được xếp cao quá mép kính dưới của ca-bin điều khiển để tránh gây trở ngại việc quan sát đường đi của thuyền trưởng.

d) Thủ tục đăng ký :

Việc kiểm tra kỹ thuật làm riêng đối với tàu đầy và riêng đối với từng phân đoàn xà-lan. Giấy phép lưu hành và sổ đăng ký kỹ thuật cấp riêng cho đầu máy và riêng cho từng xà-lan.

Điều 2. — Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. — Ông chánh Văn phòng Bộ, ông cục trưởng Cục vận tải đường sông, ông trưởng Ty đăng kiểm, các ông giám đốc, trưởng ty các Sở, Ty giao thông vận tải chiếu quyết định thi hành.

Hà-nội, ngày 25 tháng 8 năm 1973

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

PHAN TRỌNG TUỆ

BỘ NỘI THƯƠNG

THÔNG TƯ số 31-NT ngày 22-9-1973 hướng dẫn việc kê khai, cấp phát, quản lý sử dụng, thu hồi tem phiếu mua hàng năm 1974.

Căn cứ vào khả năng hàng hóa ; dựa theo chủ trương về tiêu dùng và phân phối hiện nay ; sau khi đã thảo luận và thống nhất ý kiến với các ngành có liên quan, Bộ hướng dẫn một số điểm cần thiết về việc kê khai, cấp phát, quản lý, sử dụng và thu hồi thanh toán tem phiếu mua hàng năm 1974 như sau.

I. VỀ KÊ KHAI VÀ CẤP PHÁT

1. Mẫu biểu kê khai :

Mẫu biểu kê khai và tổng hợp để làm căn cứ cấp phát tem phiếu mua hàng năm 1974 vẫn dựa theo quyết định liên bộ Tổng cục Thống kê — Nội thương số 116-LB ngày 18-7-1972 và công văn hướng dẫn số 2089-NT/KD ngày 28-7-1973 của Bộ.

2. Một số quy định cụ thể :

Về thời điểm kê khai, căn cứ để kê khai, đối tượng kê khai, đơn vị kê khai và tổng hợp, thể thức xác nhận nhân khẩu và chức danh ngành nghề, thời gian các bước công tác, việc tổ chức chỉ đạo thực hiện và phân công trách nhiệm giữa các ngành, vẫn theo thông tư liên bộ Nội thương — Công an — Lao động — Tổng cục thống kê số 20/LB ngày 20-9-1972.

Ngoài ra, Bộ quy định rõ thêm việc kê khai và cấp phát tem, phiếu cho một số đối tượng mà hiện nay một số địa phương còn vướng mắc như sau :

a) Đối với công an cảnh sát :

Nghị quyết số 3-CP ngày 11-1-1967 của Hội đồng Chính phủ thì ngành công an thuộc về khu vực an ninh và quốc phòng và có quy định một số vấn đề có quan hệ đến việc cung cấp, phân phối hàng hóa cho ngành này. Theo đề nghị của Bộ Công an tại công văn số 705 tháng 6 năm 1967, nay Bộ quy định việc kê khai và cung cấp hàng hóa cho ngành công an như sau :

Ngành công an thuộc khu vực an ninh và quốc phòng nên thủ tục kê khai, dự trữ cấp phát hàng hóa giống như quân đội. Các yêu cầu